

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 06/2003/PL-
UBTVQH11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 1 năm 2003

PHÁP LỆNH

Dân số

Dân số là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển bền vững của đất nước;

Để nâng cao trách nhiệm của công dân, Nhà nước và xã hội trong công tác dân số; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân; tăng cường, thống nhất quản lý nhà nước về dân số;

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Nghị quyết số 12/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 của Quốc hội Khóa XI, kỳ họp thứ 2 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội nhiệm kỳ Khóa XI (2002- 2007) và năm 2003;

Pháp lệnh này quy định về dân số.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.

1. Pháp lệnh này quy định về quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, chất lượng dân số, các biện pháp thực hiện công tác dân số và quản lý nhà nước về dân số.

2. Pháp lệnh này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, cá nhân); tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt

Nam, người nước ngoài thường trú trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác.

Điều 2. Nguyên tắc của công tác dân số.

1. Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội, chất lượng cuộc sống của cá nhân, gia đình và toàn xã hội.
2. Bảo đảm việc chủ động, tự nguyện, bình đẳng của mỗi cá nhân, gia đình trong kiểm soát sinh sản, chăm sóc sức khỏe sinh sản, lựa chọn nơi cư trú và thực hiện các biện pháp nâng cao chất lượng dân số.
3. Kết hợp giữa quyền và lợi ích của cá nhân, gia đình với lợi ích của cộng đồng và toàn xã hội; thực hiện quy mô gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững.

Điều 3. Giải thích từ ngữ.

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dân số* là tập hợp người sinh sống trong một quốc gia, khu vực, vùng địa lý kinh tế hoặc một đơn vị hành chính.
2. *Quy mô dân số* là số người sống trong một quốc gia, khu vực, vùng địa lý kinh tế hoặc một đơn vị hành chính tại thời điểm nhất định.
3. *Cơ cấu dân số* là tổng số dân được phân loại theo giới tính, độ tuổi, dân tộc, trình độ học vấn, nghề nghiệp, tình trạng hôn nhân và các đặc trưng khác.
4. *Cơ cấu dân số già* là dân số có người già chiếm tỷ lệ cao.
5. *Phân bố dân cư* là sự phân chia tổng số dân theo khu vực, vòng địa lý kinh tế hoặc một đơn vị hành chính.
6. *Chất lượng dân số* là sự phản ánh các đặc trưng về thể chất, trí tuệ và tinh thần của toàn bộ dân số.
7. *Di cư* là sự di chuyển dân số từ quốc gia này đến cư trú ở quốc gia khác, từ đơn vị hành chính này tới cư trú ở đơn vị hành chính khác.
8. *Sức khỏe sinh sản* là sự thể hiện các trạng thái về thể chất, tinh thần và xã hội liên quan đến hoạt động và chức năng sinh sản của mỗi người.
9. *Kế hoạch hóa gia đình* là nỗ lực của Nhà nước, xã hội để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động, tự nguyện quyết định số con, thời gian sinh con và khoảng cách giữa các lần sinh nhằm bảo vệ sức khỏe, nuôi dạy con có trách nhiệm, phù hợp với chuẩn mực xã hội và điều kiện sống của gia đình.
10. *Công tác dân số* là việc quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động tác động đến quy mô dân số cơ cấu dân số, phân bố dân cư và nâng cao chất lượng dân số.

11. *Chỉ số phát triển con người (HDI)* là số liệu tổng hợp để đánh giá mức độ phát triển con người, được xác định qua tuổi thọ trung bình, trình độ giáo dục và thu nhập bình quân đầu người.

12. *Mức sinh thay thế* là mức sinh tính bình quân trong toàn xã hội thì mỗi cặp vợ chồng có hai con.

13. *Dịch vụ dân số* là các hoạt động phục vụ công tác dân số, bao gồm cung cấp thông tin, tuyên truyền, giáo dục, vận động, hướng dẫn, tư vấn về dân số (sau đây gọi chung là tuyên truyền, tư vấn); cung cấp biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

14. *Đăng ký dân số* là việc thu thập và cập nhật những thông tin cơ bản về dân số của mỗi người dân theo từng thời gian.

15. *Hệ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư* là hệ thống thông tin được thu thập qua đăng ký dân số của toàn bộ dân cư và được thiết lập trên mạng điện tử.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của công dân về công tác dân số.

1. Công dân có các quyền sau đây:

- a) Được cung cấp thông tin về dân số,
- b) Được cung cấp các dịch vụ dân số có chất lượng, thuận tiện, an toàn và được giữ bí mật theo quy định của pháp luật;
- c) Lựa chọn các biện pháp chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình và nâng cao chất lượng dân số,
- d) Lựa chọn nơi cư trú phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công dân có các nghĩa vụ sau đây:

- a) Thực hiện kế hoạch hóa gia đình; xây dựng quy mô gia đình ít con, no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững;
- b) Thực hiện các biện pháp phù hợp để nâng cao thể chất, trí tuệ, tinh thần của bản thân và các thành viên trong gia đình;
- c) Tôn trọng lợi ích của Nhà nước, xã hội, cộng đồng trong việc điều chỉnh quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, nâng cao chất lượng dân số,
- d) Thực hiện các quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến công tác dân số.

Điều 5. Trách nhiệm của Nhà nước, cơ quan, tổ chức trong công tác dân số.

1. Nhà nước có chính sách, biện pháp để triển khai công tác dân số, thực hiện xã hội hóa công tác dân số, bảo đảm điều kiện thuận lợi cho công tác dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

2.Nhà nước có chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, hợp tác, giúp đỡ,hỗ trợ chương trình chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình, nâng cao chất lượng dân số, ưu tiên đối với người nghèo, đồng bào các dân tộc thiểu số,vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế- xã hội khó khăn.

3.Cơ quan quản lý nhà nước về dân số có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện công tác dân số, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận để triển khai công tác dân số, thanh tra, kiểm tra việc thi hành pháp luật về dân số.

4.Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- a) Lồng ghép các yếu tố dân số trong quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội;
- b) Tuyên truyền, vận động thực hiện công tác dân số,
- c) Cung cấp các loại dịch vụ dân số,
- d) Tổ chức thực hiện pháp luật về dân số trong cơ quan, tổ chức mình.

Điều 6. Trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong công tác dân số.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm:

- 1. Tham gia ý kiến vào việc hoạch định chính sách xây dựng quy hoạch, kế hoạch dân số và các văn bản quy phạm pháp luật về dân số;
- 2. Tổ chức thực hiện công tác dân số trong hệ thống của mình;
- 3. Tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và toàn dân thực hiện pháp luật về dân số;
- 4. Giám sát việc thực hiện pháp luật về dân số.

Điều 7. Các hành vi bị nghiêm cấm.

Nghiêm cấm các hành vi sau đây:

- 1. Cản trở, cưỡng bức việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình;
- 2. Lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức;
- 3. Sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, cung cấp phương tiện tránh thai giả, không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng, quá hạn sử dụng, chưa được phép lưu hành; .
- 4. Di cư và cư trú trái pháp luật;
- 5. Tuyên truyền, phổ biến hoặc đưa ra những thông tin có nội dung trái với chính sách dân số, truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc, có ảnh hưởng xấu đến công tác dân số và đời sống xã hội;
- 6. Nhân bản vô tính người.

Chương II

QUY MÔ, CƠ CẤU DÂN SỐ VÀ PHÂN BỐ DÂN CƯ

Mục 1. QUY MÔ DÂN SỐ

Điều 8.Điều chỉnh quy mô dân số.

1.Nhà nước điều chỉnh quy mô dân số phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội,tài nguyên, môi trường thông qua các chương trình, dự án phát triển kinh tế -xã hội, chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa gia đình để điều chỉnh mứcsinh và ổn định quy mô dân số ở mứcchợp lý.

2.Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệmđối với các chương trình, dự án về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kế hoạch hóa giađình. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp chịutrách nhiệm đối với các chương trình, dự án về chăm sóc sức khỏe sinh sản, kéhoạch hóa gia đình trên địa bàn địa phương.

Điều 9. Kế hoạch hóa gia đình.

1.Kế hoạch hóa gia đình là biện pháp chủ yếu để điều chỉnh mức sinh góp phần bảođảm cuộc sống no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

2.Biện pháp thực hiện kế hoạch hóa gia đình bao gồm:

a)Tuyên truyền, tư vấn, giúp đỡ, bảo đảm để mỗi cá nhân, cặp vợ chồng chủ động,tự nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình;

b)Cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình bảo đảm chất lượng, thuận tiện, antoàn và đến tận người dân;

c)Khuyến khích lợi ích vật chất và tinh thần, thực hiện các chính sách bảo hiểmđể tạo động lực thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch hóa gia đình sâu rộng trongnhân dân.

3.Nhà nước hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các chương trình,dự án về kế hoạch hóa gia đình; ưu tiên đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hộidặc biệt khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn và người chưa đến tuổi thành niên.

Điều 10.Quyền và nghĩa vụ của mỗi cặp vợ chồng, cá nhân trong việc thực hiện kéhoạch hóa gia đình.

1.Mỗi cặp vợ chồng và cá nhân có quyền:

a)Quyết định về thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh phùhợp với lứa tuổi tình trạng sức khỏe, điều kiện học tập, lao động, công tác,thu nhập và nuôi dạy con của cá nhân, cặp vợ chồng trên cơ sở bình đẳng;

b)Lựa chọn, sử dụng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

2.Mỗi cặp vợ chồng và cá nhân có nghĩa vụ:

a)Sử dụng các biện pháp tránh thai;

b)Bảo vệ sức khỏe và thực hiện các biện pháp phòng, tránh các bệnh nhiễm khuẩn đườngsinh sản và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, HIV/AIDS;